

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Ông Nguyễn Chí Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh cá thể Ngô Hoàng Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hoàng Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ khu phố 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Ngô Thị Như T, sinh năm 1988. Địa chỉ khu phố 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh G theo văn bản ủy quyền đề ngày 24/4/2019 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Danh T, sinh năm 1975 (có mặt);

2.2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện R, tỉnh G.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Lệ T1, sinh năm 1964. Địa chỉ khu phố 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Ngô Hoàng Đ trình bày:

Trước đây ông Danh T, bà Trần Thị Đ có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng Ngô Hoàng Đ với số tiền nợ là 210.773.000đ. Đến ngày 08/3/2016 ông T, bà Đ cam kết trả cho cửa hàng 50.000.000đ trong vòng 05 tháng nhưng ông bà không thực hiện, ông nhiều lần yêu cầu ông bà thanh toán nhưng ông T, bà Đ không trả.

Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Danh T, bà Trần Thị Đ phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngô Hoàng Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 210.773.000đ (Hai trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và trả lãi theo quy định nhà nước kể từ ngày 08/3/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên hòa giải ngày 27/5/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Ngô Thị Như T trình bày:

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà Đ đã thanh toán cho cửa hàng được 15.000.000đ, còn lại 95.773.000đ đến nay chưa thanh toán. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Danh T, bà Trần Thị Đ phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngô Hoàng Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 95.773.000đ (Chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và trả lãi theo quy định nhà nước kể từ ngày 08/3/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2019, bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà thừa nhận trước đây vợ chồng có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng Ngô Hoàng Đ và nợ của cửa hàng số tiền 95.773.000đ. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bà xin được trả dần 06 tháng/lần, mỗi lần bằng 20.000.000đ cho đến khi dứt nợ, không phải tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 20/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ T1 trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Hoàng Đ (nguyên đơn trong vụ án), bà thống nhất với trình bày và ý kiến của ông Đ. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Những vấn đề thống nhất và chưa thống nhất: Ông Danh T, bà Trần Thị Đ thừa nhận còn thiếu Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngô Hoàng Đ số tiền 95.773.000đ nhưng hai bên không thống nhất được thời gian và cách thức thanh toán nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Ngô Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Danh T, bà Trần Thị Đ phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngô Hoàng Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 95.773.000đ (Chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và trả lãi theo quy định nhà nước kể từ ngày 08/3/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

Ông T, bà Đ thừa nhận còn nợ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngô Hoàng Đ số tiền trên. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông bà xin được trả dần 06 tháng/lần, mỗi lần trả bằng 20.000.000đ cho đến khi dứt nợ, không phải tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Lê T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Ông Ngô Hoàng Đ khởi kiện yêu cầu ông Ông Danh T và bà Trần Thị Đ phải trả cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã H, huyện R, tỉnh G nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Ngô Hoàng Đ yêu cầu ông Ông Danh T và bà Trần Thị Đ phải trả cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 95.773.000đ (Chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 08/3/2016 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 18/6/2019.

Xét yêu cầu của ông Đ, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận việc ông T, bà Đ còn nợ ông Đ số tiền 95.773.000đ (Chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng). Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay ông T, bà Đ còn nợ tiền của ông Đ nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ Luật dân sự 2005. Do đó, việc ông Đ yêu cầu ông T và bà Đ phải trả cho ông số tiền số tiền mua vật tư nông nghiệp 95.773.000đ (Chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy ba nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi của ông Đ là phù hợp theo khoản 2 Điều 305 và khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, ông T và bà Đ còn phải trả tiền lãi chậm trả cho ông Đ từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 08/3/2016 cho đến ngày xét xử 18/6/2019 là 39 tháng.

Mức lãi suất cơ bản tại thời điểm nợ là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng, tiền lãi sẽ là: 95.773.000đ x 0,75%/tháng x 39 tháng = 28.013.600đ.

Tổng cộng gốc và lãi là 95.773.000đ + 28.013.600đ = 123.786.600đ, tính tròn là 123.787.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T và bà Đ không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà Đ còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Việc ông T và bà Đ xin được trả nợ dần nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên sẽ được xem xét, giải quyết khi thi hành án.

[3]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ông Ngô Hoàng Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Ngô Hoàng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001175 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R do chị Ngô Thị Như T nộp thay.

Ông Danh T và bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự giá ngạch 123.787.000đ x 5% = 6.189.350đ, tính tròn 6.189.000đ (Sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh cá thể Ngô Hoàng Đ. Buộc ông Danh T và bà Trần Thị Đ phải trả cho người đại diện là ông Ngô Hoàng Đ số tiền 123.787.000đ (Một trăm hai ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí:

Hoàn trả cho ông Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001175 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R do chị Ngô Thị Như T nộp thay.

Ông Danh T và bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự giá ngạch 123.787.000đ x 5% = 6.189.350đ, tính tròn 6.189.000đ (Sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T, bà Đ và ông T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/6/2019. Báo cho ông Đ và bà T1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh